



**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
IMEXPHARM
IMEXPHARM CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
*Independence - Freedom – Happiness***

Số/No.: **628** /IMP

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 09 năm 2026
Dong Thap, September 30, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Thông tin về tổ chức/ Information on the organization

- Tên tổ chức : Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
Organization name : Imexpharm Corporation
- Mã chứng khoán : IMP
Securities Symbol : IMP
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 04, Đường 30/4, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Head office address : No. 04, 30/4 Street, Cao Lanh Ward, Dong Thap Province
- Điện thoại/ Telephone : (84.277) 3851 941
- Email: : codong@imexpharm.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of disclosure

Công ty CP Dược phẩm Imexpharm công bố Quy chế giám sát và phê duyệt giao dịch với bên có liên quan được ban hành theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 19/QĐ-HĐQT-IMP ngày 30/09/2026.

Imexpharm Corporation hereby announces the Regulation on the supervision and approval of Related party transactions issued together with the Board of Directors' Decision No. 19/QĐ-HĐQT-IMP dated September 30, 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 tại đường dẫn: <https://www.imexpharm.com/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>

This information was published on Company website on September 30, 2026, at the following link: <https://www.imexpharm.com/en-US/investors/information-disclosure>

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.





IMEXPHARM
Sự cam kết ngay từ đầu

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU - TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU

Đại diện tổ chức

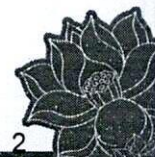
Organization representative

Tổng Giám đốc – Người Đại diện pháp luật

General Director - Legal Representative



DS./PHARM. TRẦN THỊ ĐÀO



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
IMEXPHARM
IMEXPHARM CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số/No.: 19/QĐ-HĐQT-IMP

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 09 năm 2026
Dong Thap, September 30, 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc ban hành Quy chế giám sát và phê duyệt giao dịch với bên có liên quan

DECISION OF THE BOARD OF DIRECTORS

**Re.: The issuance of the Regulation on supervision and approval of
related-party transactions**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM/

BOARD OF DIRECTORS

IMEXPHARM CORPORATION

Căn cứ vào/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; và các văn bản sửa đổi, bổ sung sau đó/ *The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and its subsequent amendments and supplements;*
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và các văn bản sửa đổi, bổ sung sau đó/ *The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, and its subsequent amendments and supplements;*
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP/ *Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities; and Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated 11 September 2025 amending and supplementing a number of articles of Decree No. 155/2020/NĐ-CP;*
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và các Thông tư sửa đổi, bổ sung sau đó/ *Circular No. 96/2020/TT-BTC guiding the disclosure of information on the securities market, and its subsequent amending and supplementing Circulars;*
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam về thông tin các bên liên quan mà Công ty đang áp dụng khi lập và trình bày báo cáo tài chính/ *Vietnamese Accounting Standards (VAS) on Related Party Disclosures applied by the Company in the preparation and presentation of financial statements;*



- Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các quy định nội bộ khác có liên quan/ *The Company's Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, Information Disclosure Regulations, and other relevant internal regulations.*
- Căn cứ Biên bản lấy ý kiến Hội đồng quản trị Số 15/BB-HĐQT-IMP ngày 30/09/2026/ *Pursuant to Board of Directors meeting minutes No. 15/BB-HĐQT-IMP dated September 30, 2026.*

QUYẾT ĐỊNH/ DECIDES**Điều 1. Ban hành Quy chế giám sát và phê duyệt giao dịch với bên có liên quan**

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế giám sát và phê duyệt giao dịch với bên có liên quan của Công ty CP Dược phẩm Imexpharm.

Article 1. Issuance of the Regulation on the supervision and approval of related-party transactions

Issued together with this Decision is the Regulation on the Supervision and Approval of Related-Party Transactions of Imexpharm Corporation.

Điều 2. Hiệu lực và Thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro, Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm, Thư ký Quản trị Công ty, các bộ phận, phòng ban, và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung theo Quyết định này.

Article 2. Effectiveness and Implementation

This Decision shall take effect from the date of signing.

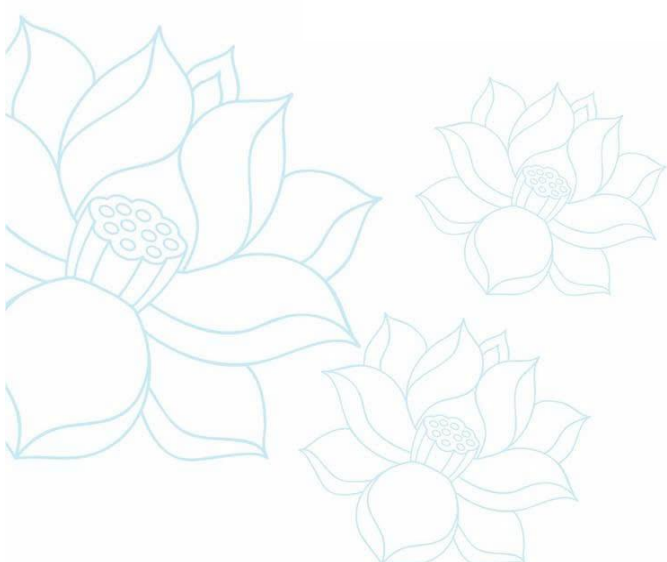
The Board of Directors assigns the Chairperson of the Board of Directors, Audit and Risk Management Committee (ARMC), the General Director of Imexpharm Corporation, Corporate Secretary, relevant departments, divisions, and individuals to be responsible for the implementation of the contents of this Decision.

Nơi nhận/To:

- CBTT/ Disclosure
 - HĐQT, UBKT&QLRR/
BOD, ARMC
 - Ban Điều hành/ BOM
 - Lưu HC & Thư ký QTCTy./
- For filing: Admin,
Corporate Secretary.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOD
CHỦ TỊCH/ CHAIRPERSON**

**LIU DAPING**



QUY CHẾ GIÁM SÁT VÀ PHÊ DUYỆT GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Tháng 9/2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích ban hành	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Căn cứ pháp lý.....	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	3
CHƯƠNG II. NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN	6
Điều 5. Nguyên tắc chung.....	6
Điều 6. Nguyên tắc nhận diện giao dịch và gộp giao dịch	7
CHƯƠNG III. NHẬN DIỆN, KÊ KHAI VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC BÊN CÓ LIÊN QUAN	7
Điều 7. Trách nhiệm kê khai và cập nhật thông tin.....	7
Điều 8. Quản lý danh mục và xác minh thông tin.....	7
CHƯƠNG IV. THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT GIAO DỊCH	8
Điều 9. Hồ sơ trình phê duyệt giao dịch	8
Điều 10. Quy trình giám sát và quản lý giao dịch với Bên có liên quan	9
Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	10
Điều 12. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 13. Giao dịch định kỳ, hợp đồng khung và hạn mức giao dịch.....	12
Điều 14. Giao dịch khẩn cấp hoặc phát sinh ngoài kế hoạch.....	12
CHƯƠNG V. CÔNG BỐ THÔNG TIN, GHI NHẬN VÀ BÁO CÁO	13
Điều 15. Công bố thông tin	13
Điều 16. Ghi nhận, thuyết minh và báo cáo định kỳ.....	13
CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT SAU PHÊ DUYỆT	13
Điều 17. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc và các phòng ban, bộ phận chuyên môn	13
Điều 18. Trách nhiệm của UBKT & QLRR và Kiểm toán nội bộ.....	14
Điều 19. Rà soát sửa đổi, gia hạn và giao dịch phát sinh sau phê duyệt.....	14
CHƯƠNG VII. XỬ LÝ VI PHẠM	14
Điều 20. Hành vi vi phạm	14
Điều 21. Biện pháp xử lý	15
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 22. Tổ chức thực hiện	15
Điều 23. Hiệu lực	15
PHỤ LỤC	17



QUY CHẾ GIÁM SÁT VÀ PHÊ DUYỆT GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQT-IMP ngày 30/09/2026 của
Hội đồng Quản trị Công ty CP Dược phẩm Imexpharm)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhận diện, kê khai, thẩm định, phê duyệt, công bố thông tin, theo dõi và giám sát đối với giao dịch giữa Công ty CP Dược phẩm Imexpharm ("Công ty") với Bên có liên quan nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, bảo đảm tính minh bạch, khách quan, trung thực trong quá trình ra quyết định và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.
2. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở cơ chế kiểm soát giao dịch với người có liên quan của công ty cổ phần theo Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản trị công ty, công bố thông tin và quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị theo pháp luật chứng khoán hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với toàn bộ giao dịch giữa Công ty với Bên có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở giao dịch mua, bán, trao đổi hàng hóa; cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ; vay, cho vay; bảo lãnh, bảo đảm; mua, bán, thuê, cho thuê, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng tài sản; đầu tư, góp vốn, chuyển giao quyền, nghĩa vụ; giao dịch thanh toán, bù trừ, miễn giảm nghĩa vụ; sửa đổi, gia hạn, chấm dứt hoặc thay đổi các giao dịch nêu trên.
2. Quy chế này áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro (UBKT & QLRR), Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký Quản trị Công ty, Kiểm toán nội bộ, người quản lý khác, Phòng Pháp chế, các bộ phận, phòng ban và các cá nhân khác có liên quan đến việc đề xuất, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, theo dõi hoặc công bố giao dịch thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 3. Căn cứ pháp lý

Quy chế này được ban hành căn cứ vào các văn bản pháp luật và tài liệu quản trị sau đây:



- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đặc biệt Điều 164 và Điều 167, và các Luật sửa đổi, bổ sung sau đó.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các Luật sửa đổi, bổ sung sau đó.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, bao gồm các quy định về quản trị công ty đại chúng, và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và các Thông tư sửa đổi, bổ sung sau đó.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam về thông tin các bên liên quan mà Công ty đang áp dụng khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các quy định nội bộ khác có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. “Bên có liên quan” là người/ bên có liên quan được định nghĩa theo Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và chuẩn mực kế toán VAS 26 và/hoặc các chuẩn mực khác áp dụng trong việc ghi nhận, trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty.
 - 1.1. **Theo quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020:** *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý (Hội đồng quản trị, Ban Điều hành) và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con.
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, đầu tư nắm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty.
 - d) Người quản lý của Công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật, thành viên UBKT & QLRR, và các thành viên gia đình của họ (vợ, chồng, bố mẹ, con cái, anh chị em ruột, v.v.).
 - e) Các cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này.



- f) Doanh nghiệp mà các cá nhân hoặc tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e và sở hữu hoặc có quyền chi phối việc ra quyết định.
- 1.2. **Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán:** *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - b) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Công ty trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi Công ty hoặc cùng với Công ty chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Người nội bộ của Công ty và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người nội bộ;
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho Công ty;
 - f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 1.3. **Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 26:** các trường hợp cụ thể được xác định là các *bên liên quan* bao gồm:
- a) Doanh nghiệp kiểm soát hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty con.
 - b) Các công ty liên kết theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".
 - c) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty, dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, bao gồm cả các thành viên gia đình thân thiết của những cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột).
 - d) Các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm cả các lãnh đạo, các nhân sự quản lý của Công ty và thành viên gia đình thân thiết của họ.
 - e) Các doanh nghiệp do cá nhân được nêu tại điểm (c) hoặc (d) trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu một phần đáng kể quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.

Bản chất của mối quan hệ quan trọng hơn hình thức pháp lý: Trong việc xác định và đánh giá các mối quan hệ với bên liên quan, VAS 26 nhấn mạnh rằng bản chất của mối quan hệ cần được đánh giá kỹ càng hơn là chỉ dựa vào hình thức pháp lý.





2. “Giao dịch với Bên có liên quan” là mọi hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch hoặc chuỗi giao dịch có liên hệ với nhau được xác lập bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định pháp luật, phát sinh giữa Công ty với Bên có liên quan.
3. “Giao dịch trọng yếu với Bên có liên quan” là bất kỳ hợp đồng, giao dịch hoặc chuỗi giao dịch giữa Công ty với Bên có liên quan thỏa mãn một trong các tiêu chí sau:
 - 3.1. Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với các đối tượng sau:
 - (1) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan;
 - (2) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan;
 - (3) Doanh nghiệp mà các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp
 - 3.2. Giao dịch cung cấp khoản vay, bảo lãnh đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan.
 - 3.3. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. “Thẩm định độc lập” là việc xem xét, đánh giá khách quan một giao dịch với Bên có liên quan bởi Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro hoặc tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập không có lợi ích liên quan nhằm xác định liệu giao dịch đó có được thực hiện trên cơ sở công bằng, hợp lý, minh bạch, phù hợp với điều kiện thị trường và nguyên tắc giao dịch độc lập (arm’s length principle), đồng thời bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật trước khi được phê duyệt.
5. Loại giao dịch kích hoạt thẩm định độc lập: là “Giao dịch trọng yếu với Bên có liên quan” được quy định tại khoản 3 Điều này.
6. “Người có lợi ích liên quan” là cá nhân, tổ chức có quyền lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ giao dịch, hoặc có khả năng tác động đến việc ra quyết định của Công ty đối với giao dịch đó.
7. “Điều kiện giao dịch độc lập” hoặc “điều kiện thị trường” là điều kiện giao dịch được xác lập trên cơ sở khách quan, trung thực, không có điều khoản thuận lợi hơn cho





Bên có liên quan, tương đương hoặc có thể giải trình hợp lý so với điều kiện áp dụng giữa các bên độc lập trong hoàn cảnh tương tự.

8. “Tổng giá trị tài sản của Công ty” là tổng tài sản ghi nhận trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được sử dụng làm căn cứ xác định thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
9. Trường hợp một đối tượng hoặc một giao dịch đồng thời thuộc nhiều định nghĩa hoặc nhiều chế độ kiểm soát khác nhau, Công ty áp dụng tiêu chuẩn nhận diện, phê duyệt, công bố thông tin và giám sát nào cao hơn và chặt chẽ hơn.

CHƯƠNG II. NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Mọi giao dịch với Bên có liên quan phải được nhận diện, xem xét và phê duyệt đúng thẩm quyền trước khi ký kết, trừ trường hợp pháp luật hoặc Quy chế này có quy định khác đối với giao dịch phát sinh khẩn cấp nhưng vẫn phải thực hiện cơ chế báo cáo, hợp thức hóa và chịu trách nhiệm theo quy định nội bộ.
2. Giao dịch với Bên có liên quan chỉ được chấp thuận khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:
 - Có mục đích kinh doanh hợp pháp, cần thiết hoặc mang lại lợi ích hợp lý cho Công ty.
 - Được đề xuất và đánh giá, thẩm định trên cơ sở đầy đủ hồ sơ, thông tin, dữ liệu và tài liệu giải trình cần thiết.
 - Có điều kiện giao dịch công bằng, minh bạch, phù hợp với điều kiện thị trường hoặc có cơ sở giải trình hợp lý về việc khác biệt so với điều kiện thị trường.
 - Không làm phát sinh xung đột lợi ích không thể kiểm soát, không nhằm chuyển lợi ích, tài sản hoặc cơ hội kinh doanh của Công ty cho Bên có liên quan một cách trái pháp luật hoặc trái lợi ích của Công ty.
3. Người có lợi ích liên quan phải kê khai đầy đủ, trung thực, kịp thời về mối quan hệ liên quan và không được tham gia thảo luận, biểu quyết hoặc tác động không phù hợp đến quá trình thẩm định, phê duyệt giao dịch thuộc trường hợp xét thấy có lợi ích liên quan.
4. Việc phê duyệt giao dịch theo Quy chế này không thay thế các yêu cầu về công bố thông tin, ghi nhận kế toán, thuyết minh báo cáo tài chính, phê duyệt đầu tư, phê duyệt mua sắm hoặc các thủ tục nội bộ khác mà pháp luật và quy định nội bộ của Công ty yêu cầu.





Điều 6. Nguyên tắc nhận diện giao dịch và gộp giao dịch

1. Khi xác định một giao dịch có thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này hay không, Công ty phải xem xét bản chất của quan hệ và bản chất kinh tế của giao dịch, không chỉ dựa trên hình thức pháp lý hoặc tên gọi của hợp đồng.
2. Các giao dịch có liên quan chặt chẽ về chủ thể, mục đích, thời điểm, giá trị, điều kiện hoặc được thiết kế theo từng bước nhằm thực hiện cùng một mục tiêu giao dịch phải được xem xét cộng gộp để xác định thẩm quyền phê duyệt, nghĩa vụ công bố thông tin và cơ chế giám sát phù hợp.
3. Việc chia nhỏ giao dịch, thay đổi cấu trúc giao dịch hoặc sử dụng pháp nhân trung gian nhằm né tránh thẩm quyền phê duyệt, nghĩa vụ công bố thông tin hoặc cơ chế kiểm soát theo Quy chế này bị nghiêm cấm.

CHƯƠNG III. NHẬN DIỆN, KÊ KHAI VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Trách nhiệm kê khai và cập nhật thông tin

1. Các cá nhân sau đây có trách nhiệm kê khai ban đầu, kê khai định kỳ, và cập nhật ngay khi có thay đổi thông tin về Bên có liên quan của mình:
 - Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên UBKT & QLRR;
 - Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;
 - Kế toán trưởng.
2. Nội dung kê khai tối thiểu bao gồm thông tin nhân thân/pháp lý của người có liên quan; mối quan hệ với người kê khai; tỷ lệ sở hữu trực tiếp, gián tiếp đối với cổ phiếu Công ty; chức vụ quản lý; quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể; doanh nghiệp do người kê khai hoặc người có liên quan nắm quyền chi phối hoặc có lợi ích đáng kể.
3. Việc kê khai được thực hiện khi bắt đầu nhiệm kỳ, khi bổ nhiệm/ chỉ định, định kỳ bán niên, trước thời điểm lập báo cáo quản trị công ty định kỳ và ngay khi có thay đổi phát sinh, theo biểu mẫu do Sở Giao dịch chứng khoán ban hành.

Điều 8. Quản lý danh mục và xác minh thông tin

1. Thư ký Quản trị Công ty là đầu mối quản lý Danh mục Bên có liên quan của Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ xác định Bên có liên quan theo chuẩn mực kế toán.
2. Thư ký Quản trị Công ty phối hợp với Ban Tổng Giám đốc, Phòng Pháp chế để rà soát, xác minh, cập nhật và cảnh báo các trường hợp có dấu hiệu phát sinh giao dịch với Bên có liên quan.





3. Kế toán trưởng và Phòng Kế toán có trách nhiệm đối chiếu danh mục nêu trên với hệ thống mã khách hàng, nhà cung cấp, đối tác, tài khoản thanh toán và dữ liệu kế toán phục vụ việc ghi nhận, thuyết minh và kiểm soát giao dịch.
4. Công ty có quyền yêu cầu người kê khai và đơn vị liên quan cung cấp thêm hồ sơ, tài liệu, xác nhận hoặc giải trình để làm rõ tình trạng Bên có liên quan, kể cả trường hợp sở hữu hoặc kiểm soát gián tiếp thông qua một hoặc nhiều pháp nhân trung gian.

CHƯƠNG IV. THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT GIAO DỊCH

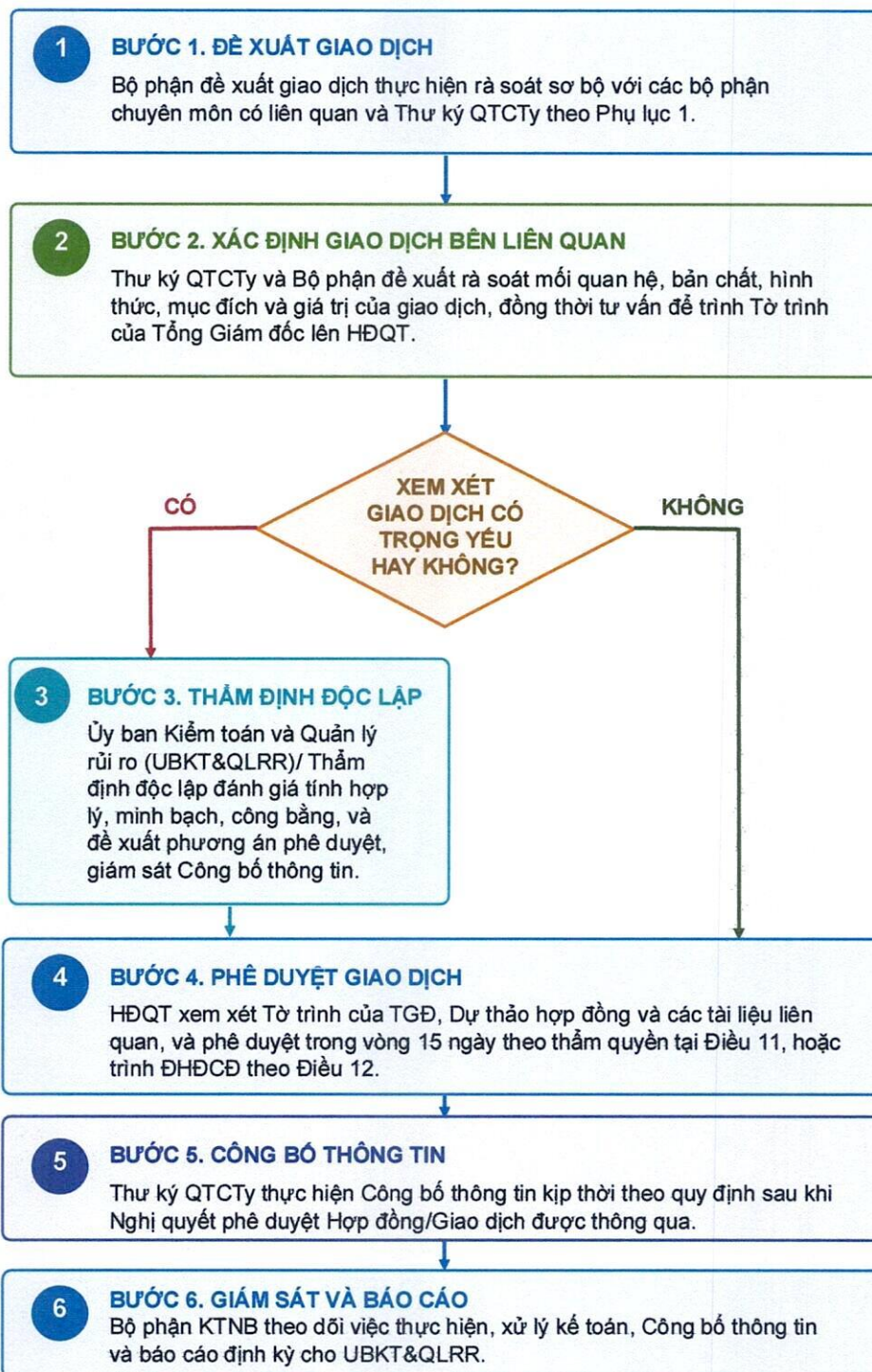
Điều 9. Hồ sơ trình phê duyệt giao dịch

1. Đơn vị đề xuất giao dịch phải lập hồ sơ trình phê duyệt tối thiểu gồm:
 - Tờ trình nêu rõ nội dung giao dịch, chủ thể tham gia, bản chất quan hệ liên quan, mục đích, nhu cầu và căn cứ thực hiện.
 - Dự thảo hợp đồng hoặc tài liệu thể hiện đầy đủ các điều khoản cơ bản của giao dịch.
 - Tài liệu xác định giá trị giao dịch và căn cứ xác định ngưỡng thẩm quyền phê duyệt.
 - Tài liệu so sánh điều kiện thị trường, báo giá độc lập, thẩm định giá, phân tích tài chính hoặc tài liệu giải trình khác chứng minh tính hợp lý của giao dịch nếu cần thiết.
 - Ý kiến của Phòng Pháp chế, Tài chính/Kế toán, và các đơn vị chuyên môn liên quan.
 - Xác định người có lợi ích liên quan đến giao dịch để yêu cầu không tham gia biểu quyết hoặc chi phối việc ra quyết định thông qua giao dịch theo quy định.
2. Đối với hợp đồng, giao dịch trọng yếu với Bên có liên quan được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này, hồ sơ trình phê duyệt phải kèm theo báo cáo của Pháp chế, rà soát độc lập của UBKT & QLRR, và/hoặc báo cáo của Tư vấn độc lập hoặc tổ chức thẩm định độc lập nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc cơ quan có thẩm quyền. Hợp đồng, giao dịch trọng yếu cần thực hiện phê duyệt và công bố thông tin từng lần riêng lẻ.



Điều 10. Quy trình giám sát và quản lý giao dịch với Bên có liên quan

QUY TRÌNH GIÁM SÁT VÀ PHÊ DUYỆT GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN



- **Bước 1 - Đề xuất giao dịch:** các bộ phận, phòng ban khi có phát sinh giao dịch với các Bên có liên quan cần thực hiện rà soát sơ bộ của bộ phận chuyên môn và Thư ký Quản trị Công ty quản trị theo mẫu Phụ lục 1 trước khi đề xuất trình cho Tổng Giám đốc.





- **Bước 2** - Nhận diện giao dịch với Bên có liên quan: Theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc, Thư ký Quản trị Công ty tham vấn Kế toán trưởng, Pháp chế và các bộ phận, phòng ban liên quan có phát sinh giao dịch để rà soát và xác định mối quan hệ với bên được cho là Bên có liên quan, xem xét bản chất, hình thức, mục đích của giao dịch. Nếu là giao dịch trọng yếu với Bên có liên quan thì Tổng Giám đốc cần trình hồ sơ lên UBKT & QLRR hoặc gửi cho bên thẩm định độc lập nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- **Bước 3** - Thẩm định độc lập: UBKT & QLRR/ Bên thẩm định độc lập đánh giá bản chất, hình thức, mục đích của giao dịch, mối quan hệ với Bên có liên quan, tính hợp lý, công bằng, minh bạch, và các điều kiện, điều khoản trong giao dịch có phù hợp với điều kiện kinh doanh thông thường, và trình HĐQT. UBKT & QLRR/ Bên thẩm định độc lập cũng khuyến nghị quy trình phê duyệt, giám sát, công bố và thực hiện giao dịch phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- **Bước 4** – Thông qua giao dịch: HĐQT xem xét và quyết định trong vòng 15 ngày, tùy theo giá trị và đối tượng giao dịch để thông qua theo thẩm quyền quy định tại Điều 11, hoặc trình ĐHĐCĐ phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 12. Quy trình thông qua ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều lệ Công ty.
- **Bước 5** - Công bố thông tin: Thư ký Quản trị công ty thực hiện công bố đúng hạn một khi Nghị quyết HĐQT/ĐHĐCĐ về phê duyệt giao dịch được thông qua.
- **Bước 6** - Theo dõi và giám sát: Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm rà soát, giám sát quy trình thực hiện các giao dịch, kiểm tra việc ghi nhận kế toán, thuyết minh về giao dịch trên Báo cáo tài chính, và báo cáo định kỳ cho UBKT & QLRR, HĐQT việc tuân thủ các giao dịch với Bên có liên quan như được phê duyệt và công bố, đồng thời báo cáo kịp thời khi phát hiện các vấn đề trọng yếu hoặc dấu hiệu vi phạm.

Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- 1.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây có giá trị nhỏ hơn 35%, hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, hoặc tỷ lệ nhỏ hơn nếu Điều lệ sửa đổi quy định, bao gồm các đối tượng cụ thể sau:

(1) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan;





(2) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan;

(3) Doanh nghiệp mà các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

- 1.2. Mọi hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, bán, mua, chuyển nhượng tài sản giữa Công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đều phải được Hội đồng quản trị xem xét thông qua trước khi ký kết, hoặc Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.
2. Khi xem xét chấp thuận giao dịch thuộc thẩm quyền, Hội đồng quản trị phải được cung cấp đầy đủ hồ sơ theo Điều 9 của Quy chế này, có thể yêu cầu bổ sung giải trình, ý kiến của UBKT & QLRR đối với giao dịch trọng yếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quy chế. Nếu cần thiết trong phạm vi cân nhắc giữa rủi ro, chi phí và cơ hội, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung định giá, báo cáo thẩm định độc lập trước khi đưa ra quyết định.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến giao dịch không được tham gia thảo luận, biểu quyết và không được tính vào tỷ lệ biểu quyết đối với giao dịch đó.
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với Bên có liên quan phải ghi nhận rõ chủ thể giao dịch, bản chất quan hệ liên quan, giá trị hoặc hạn mức giao dịch, điều kiện chủ yếu, căn cứ phê duyệt, trách nhiệm tổ chức thực hiện, và yêu cầu công bố thông tin, giám sát sau phê duyệt.

Điều 12. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch:
 - Hợp đồng, giao dịch với đối tượng quy định tại điểm 1.1, khoản 1 Điều 11 Quy chế này, nhưng không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị.
 - Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - Giao dịch cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này.
2. Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông phải mô tả đầy đủ chủ thể giao dịch, nội dung chủ yếu, giá trị giao dịch, lợi ích và rủi ro, bản chất quan hệ liên quan, ý kiến của Hội đồng



quản trị và/hoặc UBKT & QLRR, đồng thời phải công bố theo đúng thời hạn và hình thức pháp luật quy định. Nếu cần thiết trong phạm vi cân nhắc lợi ích cho các cổ đông, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bổ sung định giá, báo cáo thẩm định độc lập trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3. Cổ đông có lợi ích liên quan đến giao dịch không có quyền biểu quyết đối với giao dịch đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13. Giao dịch định kỳ, hợp đồng khung và hạn mức giao dịch

1. Đối với các giao dịch không trọng yếu và có tính chất thường xuyên, lặp lại, phát sinh nhiều lần trong năm tài chính giữa Công ty với cùng một Bên có liên quan, Công ty có thể trình phê duyệt theo cơ chế hợp đồng khung và/hoặc hạn mức giao dịch trong vòng 12 tháng kể từ lần giao dịch đầu tiên, với điều kiện hồ sơ trình phải nêu rõ phạm vi, đối tượng, loại giao dịch, cơ chế xác định giá, tổng hạn mức, thời hạn áp dụng và cơ chế kiểm soát vượt hạn mức.
2. Trường hợp tổng giá trị thực tế phát sinh dự kiến vượt hạn mức đã được phê duyệt hoặc có sự thay đổi trọng yếu về đối tượng, điều kiện, cơ chế giá hoặc rủi ro của giao dịch, Tổng Giám đốc phải thực hiện trình phê duyệt lại theo đúng thẩm quyền trước khi tiếp tục thực hiện phần vượt hạn mức hoặc phần thay đổi trọng yếu.

Điều 14. Giao dịch khẩn cấp hoặc phát sinh ngoài kế hoạch

1. Trường hợp vì lý do khẩn cấp nhằm ngăn ngừa thiệt hại trực tiếp, tức thời cho Công ty mà chưa thể hoàn tất thủ tục phê duyệt trước, Tổng Giám đốc chỉ được quyết định biện pháp cần thiết trong phạm vi tối thiểu để hạn chế thiệt hại và phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, UBKT & QLRR. Khi đó Thư ký Quản trị Công ty sẽ thực hiện việc rà soát, trình phê duyệt hoặc xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền trong thời gian sớm nhất.
2. Quy định tại khoản 1 Điều này không được hiểu là cho phép miễn trừ trách nhiệm hoặc hợp thức hóa các giao dịch cố ý thực hiện trái thẩm quyền, né tránh thủ tục phê duyệt hoặc che giấu quan hệ liên quan.
3. Cơ chế xử lý giao dịch khẩn cấp quy định tại Điều này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Quy chế này. Đối với các giao dịch đó, việc ký kết, thực hiện hoặc cam kết thực hiện chỉ được tiến hành sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp lệ theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định.



CHƯƠNG V. CÔNG BỐ THÔNG TIN, GHI NHẬN VÀ BÁO CÁO**Điều 15. Công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin liên quan đến giao dịch với Bên có liên quan được thực hiện theo pháp luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin và các quy định nội bộ có liên quan.
2. Sau khi giao dịch thuộc diện phải công bố thông tin được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền công bố thông tin phải thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn trên hệ thống công bố thông tin theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 16. Ghi nhận, thuyết minh và báo cáo định kỳ

1. Phòng Kế toán có trách nhiệm tổ chức ghi nhận, phân loại, đối chiếu và thuyết minh các giao dịch với Bên có liên quan theo chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.
2. Các giao dịch với Bên có liên quan phải được phản ánh phù hợp trong báo cáo tài chính soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm kiểm toán, báo cáo quản trị công ty, báo cáo thường niên, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong UBKT & QLRR tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, và các báo cáo khác mà pháp luật chứng khoán hoặc quy định nội bộ yêu cầu.
3. UBKT & QLRR và Kiểm toán nội bộ định kỳ rà soát, tổng hợp và báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình phát sinh, thực hiện, giám sát và tuân thủ đối với giao dịch với Bên có liên quan; đồng thời tham mưu biện pháp khắc phục các thiếu sót hoặc rủi ro được phát hiện.

CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT SAU PHÊ DUYỆT**Điều 17. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc và các phòng ban, bộ phận chuyên môn**

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Quy chế này trong toàn Công ty; chỉ đạo các đơn vị nhận diện, kiểm soát giao dịch thuộc phạm vi điều chỉnh; bảo đảm không ký kết hoặc tổ chức thực hiện giao dịch trái thẩm quyền hoặc chưa hoàn tất thủ tục phê duyệt theo quy định.
2. Bộ phận, phòng ban đề xuất giao dịch chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực và chính xác của hồ sơ trình; về cơ sở giao dịch, hiệu quả kinh tế, điều kiện giao dịch và tính cần thiết của giao dịch.





3. Thư ký Quản trị Công ty chịu trách nhiệm rà soát tính pháp lý, xác định thẩm quyền phê duyệt, yêu cầu hồ sơ, cảnh báo xung đột lợi ích, theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin và tham mưu xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến giao dịch với Bên có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của UBKT & QLRR và Kiểm toán nội bộ

1. UBKT & QLRR thực hiện chức năng rà soát độc lập đối với các giao dịch trọng yếu, giao dịch có nguy cơ xung đột lợi ích cao hoặc giao dịch được Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông yêu cầu thẩm định; đưa ra khuyến nghị về sự cần thiết, tính hợp lý, tính công bằng và biện pháp kiểm soát rủi ro đối với giao dịch.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra, giám sát sau phê duyệt đối với giao dịch với Bên có liên quan, bao gồm việc tuân thủ nghị quyết phê duyệt, điều kiện giao dịch, hồ sơ chứng từ, ghi nhận kế toán, công bố thông tin và việc xử lý sửa đổi, phụ lục, gia hạn hoặc chấm dứt giao dịch.
3. Kết quả rà soát, kiểm tra của UBKT & QLRR và Kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, dấu hiệu chuyển lợi ích, thất thoát tài sản hoặc không tuân thủ nghị quyết phê duyệt thì phải kiến nghị áp dụng biện pháp dừng thực hiện, rà soát lại, khắc phục hậu quả và xử lý trách nhiệm cá nhân liên quan.

Điều 19. Rà soát sửa đổi, gia hạn và giao dịch phát sinh sau phê duyệt

1. Mọi sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt trước hạn, miễn giảm nghĩa vụ, thay đổi cơ chế giá, thay đổi hạn mức, thay đổi tài sản hoặc nghĩa vụ bảo đảm của giao dịch đã được phê duyệt phải được rà soát để xác định việc trình phê duyệt lại nếu cần.
2. Trường hợp sự thay đổi làm thay đổi bản chất giao dịch, làm tăng giá trị giao dịch vượt ngưỡng thẩm quyền, làm phát sinh thêm quyền lợi cho Bên có liên quan hoặc làm tăng rủi ro đối với Công ty thì phải trình phê duyệt lại theo đúng thẩm quyền trước khi áp dụng.

CHƯƠNG VII. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Hành vi vi phạm

Các hành vi sau đây được coi là vi phạm Quy chế này:

- Không kê khai, kê khai không đầy đủ, không trung thực hoặc không cập nhật thông tin về Bên có liên quan.
- Che giấu, chia tách, tái cấu trúc hoặc thông qua pháp nhân trung gian nhằm né tránh cơ chế kiểm soát giao dịch.





- Ký kết, thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện giao dịch khi chưa được chấp thuận đúng thẩm quyền.
- Tham gia thảo luận, biểu quyết hoặc gây ảnh hưởng không phù hợp đối với việc phê duyệt giao dịch trong khi có lợi ích liên quan.
- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin, báo cáo, theo dõi, lưu trữ hồ sơ và giám sát sau phê duyệt.

Điều 21. Biện pháp xử lý

1. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, bộ phận vi phạm bị xem xét áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:
 - Yêu cầu giải trình, khắc phục, bổ sung hồ sơ, tạm dừng giao dịch hoặc trình phê duyệt lại.
 - Xử lý trách nhiệm theo Điều lệ, nội quy lao động, quy chế quản lý/quản trị, quy chế tài chính hoặc các quy định nội bộ khác của Công ty.
 - Bồi thường thiệt hại cho Công ty, hoàn trả lợi ích thu được trái quy định hoặc chịu trách nhiệm khác theo pháp luật.
2. Trường hợp giao dịch được xác lập không đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Công ty, cổ đông hoặc chủ thể có quyền, lợi ích liên quan có thể yêu cầu xử lý theo cơ chế pháp luật áp dụng đối với giao dịch vi phạm, bao gồm yêu cầu tuyên bố vô hiệu và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế này và giám sát việc thực hiện trên toàn Công ty.
2. Tổng Giám đốc, Thư ký Quản trị công ty, UBKT & QLRR, Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng phòng Quản lý rủi ro và Tuân thủ, và người đứng đầu các bộ phận, phòng ban liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai và tuân thủ nghiêm túc Quy chế này.

Điều 23. Hiệu lực

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị Công ty ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQT-IMP ngày 30/09/2026.
2. Trường hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi, bổ sung dẫn đến nội dung của Quy chế này không còn phù hợp, các





đơn vị liên quan có trách nhiệm kịp thời rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung; trong thời gian chưa sửa đổi, việc áp dụng thực hiện theo quy định pháp luật có hiệu lực cao hơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



LIU DAPING





PHỤ LỤC

MẪU BIỂU KÈM THEO QUY CHẾ GIÁM SÁT VÀ PHÊ DUYỆT GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

Bộ phụ lục này được thiết kế để hỗ trợ vận hành Quy chế giám sát và phê duyệt giao dịch với Bên có liên quan tại Công ty, theo yêu cầu về theo dõi, chấp thuận giao dịch với Bên có liên quan, công bố thông tin và giám sát của Luật Doanh nghiệp 2020, pháp luật chứng khoán và thông lệ quản trị công ty niêm yết.

Hướng dẫn sử dụng

- Mẫu tại Phụ lục 1: sử dụng cho bước rà soát sơ bộ trước khi trình giao dịch.
- Mẫu tại Phụ lục 2: sử dụng cho báo cáo rà soát độc lập của UBKT & QLRR / Kiểm toán nội bộ hoặc bên độc lập khác
- Mẫu tại Phụ lục 3: ma trận thẩm quyền và nghĩa vụ công bố thông tin để dùng như công cụ kiểm tra nhanh trước khi ký kết và thực hiện giao dịch.

PHỤ LỤC 1. Mẫu phiếu rà soát sơ bộ giao dịch với Bên có liên quan của Thư ký Quản trị Công ty và Phòng ban, bộ phận chuyên môn

MẪU 01 - PHIẾU RÀ SOÁT GIAO DỊCH

I. Thông tin chung

1. Tên giao dịch/đề xuất giao dịch:.....
2. Đơn vị đề xuất:
3. Đầu mối phụ trách:.....
4. Ngày đề xuất:.....
5. Loại giao dịch: mua/bán hàng hóa/dịch vụ/vay/cho vay/bảo lãnh/thuê/cho thuê/chuyển nhượng tài sản/góp vốn/khác:
6. Đối tác giao dịch:
7. Giá trị dự kiến hoặc hạn mức dự kiến:
8. Thời gian thực hiện:.....

II. Kết quả rà soát tình trạng liên quan

1. Đối tác có thuộc danh mục Bên có liên quan đã được cập nhật của Thư ký Quản trị Công ty/ Kế toán tài chính không?
 - ☐ Có
 - ☐ Không
 - ☐ Chưa rõ, cần xác minh thêm





2. Căn cứ xác định đối tác là Bên có liên quan:

- ☐ Theo Luật Doanh nghiệp
- ☐ Theo Luật Chứng khoán
- ☐ Theo chuẩn mực kế toán
- ☐ Theo nguyên tắc thận trọng nội bộ

3. Mô tả ngắn gọn mối quan hệ liên quan:

.....

4. Người nội bộ/người quản lý/cổ đông có lợi ích liên quan:

.....

III. Đánh giá giao dịch

Nội dung rà soát	Có	Không	Ghi chú
Giao dịch là giao dịch mới			
Giao dịch là sửa đổi/gia hạn/phụ lục giao dịch đã phê duyệt			
Giao dịch có tính chất thường xuyên/lặp lại, chỉ cần phê duyệt hợp đồng nguyên tắc/ ngưỡng giao dịch trong vòng 12 tháng			
Giao dịch thỉnh thoảng mới thực hiện, có thể cộng gộp với giao dịch khác và có thể phê duyệt lũy kế/ ngưỡng giao dịch trong vòng 12 tháng			
Giao dịch trọng yếu và thuộc diện cần phê duyệt và công bố thông tin cho mỗi lần giao dịch riêng lẻ			
Giao dịch có yếu tố bất thường về giá/ điều kiện thanh toán/ bảo đảm			
Giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích cao			

IV. Xác định thẩm quyền dự kiến

- Tổng tài sản theo BCTC gần nhất:
- Tỷ lệ giá trị giao dịch/tổng tài sản:
- Căn cứ pháp lý dự kiến áp dụng:



- ✓ ☐ Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 – thẩm quyền HĐQT nếu dưới ngưỡng phù hợp.
- ✓ ☐ Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 – thẩm quyền ĐHĐCĐ.
- ✓ ☐ Trường hợp vay/cho vay/bán tài sản >10% với cổ đông sở hữu từ 51% trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- ✓ ☐ Theo Điều lệ/quy định nội bộ khác.
- Thẩm quyền dự kiến:
 - ✓ ☐ HĐQT
 - ✓ ☐ ĐHĐCĐ
 - ✓ ☐ Xin ý kiến pháp lý bổ sung

V. Hồ sơ cần bổ sung

- ☐ Dự thảo hợp đồng
- ☐ Báo giá so sánh/thẩm định giá
- ☐ Ý kiến Pháp chế/ QLRR & Tuân thủ
- ☐ Ý kiến Tài chính/ Kế toán
- ☐ Ý kiến UBKT & QLRR
- ☐ Khác:

VI. Kết luận rà soát sơ bộ

.....

Trưởng bộ phận

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký QTCTy

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 2. Mẫu báo cáo rà soát độc lập của UBKT & QLRR/ Kiểm toán nội bộ**MẪU 02 – BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐỘC LẬP****1. Thông tin giao dịch được rà soát**

- Tên giao dịch:
- Đơn vị đề xuất:
- Đối tác giao dịch:.....



- Giá trị giao dịch/hạn mức:
- Cơ quan dự kiến phê duyệt (HĐQT/ĐHĐCĐ):.....

2. Phạm vi rà soát

- Tình trạng Bên có liên quan:
- Căn cứ pháp lý và thẩm quyền phê duyệt:
- Điều kiện giao dịch so với điều kiện thị trường/điều kiện giao dịch bình thường khác của các bên:.....
- Rủi ro xung đột lợi ích:
- Hồ sơ công bố thông tin:
- Cơ chế giám sát sau phê duyệt:.....
- Khác:.....

3. Nhận định**3.1. Về tình trạng liên quan**
.....**3.2. Về tính cần thiết và lợi ích của giao dịch đối với Công ty**
.....**3.3. Về tính hợp lý, công bằng và điều kiện thị trường**
.....**3.4. Về rủi ro pháp lý, tài chính, tuân thủ và danh tiếng**
.....**3.5. Về nghĩa vụ công bố thông tin và theo dõi sau phê duyệt**
.....**4. Kết luận và kiến nghị**

- ☐ Đồng ý trình phê duyệt.
- ☐ Đồng ý trình phê duyệt với điều kiện/khuyến nghị bổ sung sau:.....
- ☐ Chưa đủ điều kiện trình phê duyệt, đề nghị bổ sung:
- ☐ Đề nghị thuê thẩm định/ý kiến tư vấn độc lập.

5. Điều kiện giám sát sau phê duyệt (nếu có)

- Mốc báo cáo định kỳ:
- Tài liệu cần theo dõi:
- Vấn đề rủi ro cần giám sát:



Người lập báo cáo/

Thư ký quản trị Cty

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBKT/ Trưởng KTNB

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3. Ma trận thẩm quyền phê duyệt và công bố thông tin
MẪU 03 - MA TRẬN TRA CỨU NHANH

Tình huống	Nhận diện chính	Thẩm quyền chính	Lưu ý kiểm soát
Giao dịch với đối tượng thuộc điểm 1.1, khoản 1 Điều 11 có giá trị nhỏ hơn 35%, hoặc lũy kế trong 12 tháng nhỏ hơn 35% tổng tài sản hoặc ngưỡng thấp hơn theo Điều lệ (nếu có)	Giao dịch với người có liên quan thuộc diện kiểm soát nội bộ và pháp lý	HĐQT	-Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không biểu quyết -Thẩm định độc lập của UBKT và/hoặc bên thứ 3 nếu giá trị giao dịch từng lần > 20% tổng tài sản
Giao dịch với đối tượng thuộc điểm 1.1, khoản 1 Điều 11 nhưng vượt thẩm quyền HĐQT	Giao dịch lớn với người có liên quan	ĐHĐCĐ	Cổ đông có lợi ích liên quan không biểu quyết
Vay/cho vay/bán tài sản ≤10% tổng tài sản với cổ đông sở hữu từ 51% quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó	Trường hợp đặc biệt theo khoản 3 Điều 167	HĐQT	Rà soát kỹ khả năng chuyển lợi ích, điều kiện thị trường, hồ sơ giải trình Thẩm định độc lập của UBKT nếu giá trị giao dịch từng lần > 5% tổng tài sản

 33-C
 CP
 AM
 RM
 HAP


Tình huống	Nhận diện chính	Thẩm quyền chính	Lưu ý kiểm soát
Vay/cho vay/bán tài sản >10% tổng tài sản với cổ đông sở hữu từ 51% quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó	Trường hợp đặc biệt theo khoản 3 Điều 167	ĐHĐCĐ	Rà soát kỹ khả năng chuyển lợi ích, điều kiện thị trường, hồ sơ giải trình Thẩm định độc lập của UBKT và/hoặc bên thứ 3
Giao dịch lặp lại trong năm với cùng đối tác liên quan	Áp dụng hợp đồng khung/ hạn mức trong vòng 12 tháng phù hợp	Theo tổng hạn mức và ngưỡng áp dụng	Theo dõi lũy kế và trình lại khi vượt hạn mức
Phụ lục/sửa đổi/gia hạn giao dịch đã phê duyệt	Có thể là giao dịch mới nếu thay đổi bản chất hoặc vượt ngưỡng	Xác định lại theo giá trị và bản chất thay đổi	Rà soát và thực hiện phê duyệt mới nếu cần

C.P.

